



ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân, tôi đến nhà bạn tôi ở có nhiều người nhưng cô H cho rằng tôi ngoại tình, đánh ghen, tung hình ảnh, clip lên mạng xã hội, đến cơ quan tôi làm việc gây ồn ào, làm ảnh hưởng đến công việc của tôi. Thậm chí kể cả tài sản chung cô H cũng gây áp lực nên tôi phải sang tên phần tài sản của tôi cho 03 con. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa tôi và cô H không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn cô H.

- Về quan hệ con chung: Tôi và cô Nguyễn Thị Diệu H có 03 con chung tên là Đoàn Kỳ D – sinh ngày 08 tháng 9 năm 19..., Đoàn Thu P – sinh ngày 27 tháng 5 năm 20.. và Đoàn Minh T – sinh ngày 06 tháng 01 năm 20... Ly hôn, tôi đồng ý giao 02 con chung Thu P và Minh T cho cô H trực tiếp nuôi dưỡng, tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng/02 cháu (Mỗi cháu 2.500.000đồng/1 tháng) đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Đối với cháu Kỳ D đã đủ 18 tuổi, đã có gia đình riêng nên tôi không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và cô Nguyễn Thị Diệu H không có tài sản chung, nợ chung.

**\* Bị đơn là bà Nguyễn Thị Diệu H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý về thời gian, điều kiện kết hôn như lời trình bày của ông D. Tôi thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng đó là những chuyện xích mích trong gia đình, không đến mức phải ly hôn, kinh tế gia đình đều do tôi làm ra, tôi không quan tâm đến tiền bạc của ông D nên dẫn đến nợ nần. Ngoài ra, do ông D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, tôi đã nhiều lần nhắc nhở và tha thứ cho ông D nhưng ông D vẫn không thay đổi, do bức xúc tôi đã đến tận nhà người phụ nữ đó để nói ông D về nên dẫn đến gây gỗ, sau đó tôi cũng tiếp tục đến cơ quan gặp ông D để khuyên về nhà nhưng ông D không chịu về nên tôi mới đăng clip lên facebook, nhưng sau đó tôi đã xóa. Nay ông D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với tôi, tôi xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm và vì các con nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được đoàn tụ, tôi không đồng ý ly hôn với ông D.

- Về quan hệ con chung: Tôi và ông Đoàn Quốc D có 03 con chung tên là Đoàn Kỳ D – sinh ngày 08 tháng 9 năm 19...; Đoàn Thu P – sinh ngày 27 tháng 5 năm 20.. và Đoàn Minh T.– sinh ngày 06 tháng 01 năm 20...

Tôi không đồng ý ly hôn, nhưng nếu ly hôn, tôi đồng ý với ý kiến của ông D: Tôi trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Thu P và Minh T, ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng/02 cháu (Mỗi cháu 2.500.000đồng/1 tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Đối với cháu Kỳ D đã đủ 18 tuổi, đã có gia đình riêng nên tôi không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông Đoàn Quốc D không có tài sản chung, nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đoàn Quốc D và bà Nguyễn Thị Diệu H cư trú tại địa chỉ 14. H, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 40 Bộ luật dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Đoàn Quốc D và bà Nguyễn Thị Diệu H kết hôn vào năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nay ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, không thể hàn gắn được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H thì xác định tình cảm vợ chồng của bà đối với ông D vẫn còn, bà không đồng ý ly hôn, bà yêu cầu Tòa án cho bà thời gian để bà cải thiện mối quan hệ vợ chồng, bà sẽ cố gắng hàn gắn tình cảm, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Xét quan hệ hôn nhân của ông D và bà H thì thấy: qua thực tế xác minh tại địa phương thì “mâu thuẫn giữa ông D, bà H đã trầm trọng, ông bà thường xuyên xảy ra cãi vã, địa phương đã hòa giải nhưng không được, bản thân bà H có thái độ coi thường, có những hành vi nhằm phá hoại ông D”. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, các thành viên gia đình phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng chính bà H cũng thừa nhận có những lúc bà có thái độ không tôn trọng ông D, có những hành vi làm tổn hại đến danh dự của ông D như đánh ghen, quay clip rồi tung lên mạng xã hội facebook. Từ đầu năm 2021 đến nay ông, bà không còn chung sống, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa ông D và H đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích trong hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D đối với bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: ông Đoàn Quốc D và bà Nguyễn Thị Diệu H xác định có 03 con chung: tên là Đoàn Kỳ D – sinh ngày 08 tháng 9 năm 19..; Đoàn Thu P – sinh ngày 27 tháng 5 năm 20.. và Đoàn Minh T – sinh ngày 06 tháng 01 năm 20... Tại phiên tòa, ông D và bà H tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Bà H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Đoàn Thu P, Đoàn Minh T, ông D tự nguyện cấp

đưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) (mỗi cháu 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng) đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Xét sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Dũng, bà Hiền về việc nuôi con chung là phù hợp. Đối với con chung Đoàn Kỳ D đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung : ông D và bà H xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Đoàn Quốc D phải chịu: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đoàn Quốc D đối với bà Nguyễn Thị Diệu H; Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của ông D, bà H; Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Dũng phải chịu theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Quốc D về việc: “*Ly hôn, nuôi con*” đối với bà Nguyễn Thị Diệu H.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho ông Đoàn Quốc D ly hôn bà Nguyễn Thị Diệu H.

2. Về quan hệ con chung:

Ông Đoàn Quốc D và bà Nguyễn Thị Diệu H xác định có 03 con chung: tên là Đoàn Kỳ D – sinh ngày 08 tháng 9 năm 19..; Đoàn Thu P – sinh ngày 27 tháng 5 năm 20.. và Đoàn Minh T– sinh ngày 06 tháng 01 năm 20...

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa ông Đoàn Quốc D và bà Nguyễn Thị Diệu H như sau: Bà H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Đoàn Thu P và Đoàn Minh T. Ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*) (mỗi cháu 2.500.000đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*)/tháng) đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với con chung Đoàn Kỳ D đã đủ 18 tuổi nên muốn ở với ai thì tùy.

Các bên đương sự vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo qui định của pháp luật.

**3. Về tài sản chung, nợ chung :** ông Đoàn Quốc D và bà Nguyễn Thị Diệu H xác định không có.

**4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Đoàn Quốc D phải chịu, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình ông D đã nộp theo biên lai thu số 5335 ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông D đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**5. Án xử công khai sơ thẩm,** ông D, bà H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THA DS Q. Hải Châu;
- UBND phường Hòa Thuận Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

